

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **261/2022/DS-PT**

Ngày 27 – 12 – 2022.

*V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Hương.

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông  
Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2022/TLPT-DS ngày 02/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2012/QĐXX-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mai Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: 316/33A Nguyễn Thái B, xã TH, TP B.

**- Bị đơn:** Bà Nông Thị Thuý H (vắng mặt).

Địa chỉ: 350 Nguyễn Thái B, xã TH, TP B.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Trương Văn Tr. (vắng mặt).

Địa chỉ: 350 Nguyễn Thái B, xã TH, TP B.

2/ Ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A (vắng mặt).

Địa chỉ: A19 đường Điện Biên Phủ, TP B.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông C, bà Vân A:* Ông Nguyễn Huy H1.

Địa chỉ: 73 YB, phường Tân Lợi, TP B (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày như sau:**

Tôi và Bà Nông Thị Thuý H là hàng xóm và chỗ quen biết nhau, ngày 05/01/2022 tôi có cho bà H và ông Tr vay số tiền là 730.000.000 đồng, khi vay không thoả thuận lãi suất, không thể chấp tài sản thoả thuận khi nào cần thì thông

báo cho bà H, ông Tr sẽ hoàn trả. Trong quá trình vay nợ, tôi có đòi nhưng bà H và ông Tr không trả nợ, và còn bán nhà tâu tán tài sản không trả nợ cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà H và ông Tr trả cho tôi số tiền 730.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, khi vay thì chỉ bà H ký. Mục đích vay nợ là kinh doanh nông sản cho gia đình, do vậy yêu cầu ông Tr phải cùng bà H có nghĩa vụ trả nợ.

**Quá trình tố tụng, bị đơn Bà Nông Thị Thuý H trình bày:**

Tôi và cô Nguyễn Thị Mai Đ là hàng xóm và chỗ quen biết nhau. Ngày 05/01/2022 tôi có vay của cô Đ số tiền là 730.000.000 đồng, khi vay không thoả thuận lãi suất, không thế chấp tài sản, thoả thuận khi nào cần cô Đ thông báo thì tôi hoàn trả, trong quá trình vay cô Đ có đòi tôi nhưng tôi chưa có trả cho cô Đ được. Nay cô Đ khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 730.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật thì tôi chấp nhận trả nợ, tuy nhiên tôi xin trả dần do điều kiện kinh tế hiện nay rất khó khăn.

Việc vay tiền của cô Đ là để làm ăn buôn bán nông sản nhằm mục đích thu nhập cho gia đình, khi vay số tiền 730.000.000 đồng của cô Đ thì chồng tôi là Ông Trương Văn Tr không biết và cũng không ký vào giấy vay nợ, nên chồng tôi không chịu trách nhiệm trả nợ cho cô Đ.

**Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:**

Việc vay mượn chỉ một mình bà H ký vay nợ, ông Tr không ký giấy vay do vậy chỉ bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần C, bà Nguyễn Thị Vân A và gia đình Bà Nông Thị Thuý H, Ông Trương Văn Tr ngày 22/4/2022 được công chứng chứng thực hợp pháp, tại thời điểm chuyển nhượng đất không bị tranh chấp, không bị kê biên đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, sau khi chuyển nhượng ông C và bà Vân A đã giao tiền và nhận đất, do vậy đề nghị HĐXX công nhận hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp và huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền lợi cho ông C và bà Vân A. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông C và bà Vân A có nhận được các thủ tục tố tụng tại Toà án tuy nhiên không lên làm việc do phải đi chữa bệnh, do đó đề nghị Toà án tạm dừng phiên Toà để hoà giải lại vụ việc.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Trương Văn Tr đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do.

*Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466, 468; 503 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân dân gia đình; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn của Bà Nguyễn Thị Mai Đ.

Buộc Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị Mai Đ là 755.245.000 đồng (trong đó 730.000.000 đồng là tiền gốc và 25.245.000 đồng lãi suất).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân TP B.

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/9/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn là không đúng vì chỉ có một mình bà H vay bà Đào; việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr thực hiện việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cầm cố, thế chấp thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk” là không có căn cứ, không đảm bảo quy định của pháp luật, đề nghị Toà án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng là Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr với người nhận chuyển nhượng là ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A đối với thửa đất trên.

Tại phiên tòa, người kháng cáo xin rút một phần nội dung kháng cáo về việc đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng là Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr với người nhận chuyển nhượng là ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đề nghị cấp phúc thẩm Huỷ bản án sơ thẩm và Huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột.

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ. Khi nhận đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thì quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vẫn do vợ chồng Bà Nông Thị Thuý H, ông Trương Văn Tr đứng tên chủ sử dụng nên Toà án cấp sơ thẩm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có căn cứ. Ông Trần C, bà Nguyễn Thị Vân A khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tại Công văn số 855/CV-TA ngày 22/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lời không có căn cứ Huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về nội dung: Ngày 05/01/2022, Bà Nguyễn Thị Mai Đ có cho Bà Nông Thị Thuý H vay số tiền là 730.000.000 đồng. Do bà H, ông Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Đào khởi kiện, đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tòa án nhân dân thành phố B đã buộc Bà Nông Thị Thuý H và ông nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị Mai Đ số tiền 755.245.000 đồng (trong đó 730.000.000 đồng là tiền gốc và 25.245.000 đồng lãi suất), và ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Toà án cấp sơ thẩm giải quyết quan hệ vay tài sản giữa người vay là Bà Nông Thị Thuý H, người cho vay là Bà Nguyễn Thị Mai Đ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị Mai Đ số tiền 755.245.000 đồng (trong đó 730.000.000 đồng là tiền gốc và 25.245.000 đồng lãi suất). Ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quan hệ vay tài sản nêu trên, không bị buộc trả nợ nên ông C, bà Vân A không có quyền kháng cáo về nội dung này.

[3] Xét nội dung kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 27/4/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Tại thời điểm xác minh thì quyền sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vẫn do vợ chồng Bà Nông Thị Thuý H, ông Trương Văn Tr đứng tên chủ sử dụng. Sau khi nguyên đơn thực hiện biện pháp bảo đảm, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022 với nội dung “Cấm Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr thực hiện việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cầm cố, thế chấp thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH,

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk”. Ngày 17/8/2022, ông Trần C và bà Vân A đã khiếu nại đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Tại Công văn số 855/CV-TA ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Do Phó Chánh án Ký thay Chánh án) đã trả lời không có căn cứ Huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2022. Mặc dù việc ban hành công văn trả lời đơn khiếu nại là chưa đúng quy định về hình thức, nhưng chứa đựng nội dung của việc giải quyết khiếu nại nên được xem là khiếu nại đã được giải quyết.

Theo quy định tại Điều 140, Điều 141 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là quyết định cuối cùng. Khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Mặt khác, như đã nhận định nêu trên, ông C, bà Vân A có quyền khởi kiện yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B bằng vụ án dân sự khác để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét nội dung này.

[4] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng là Bà Nông Thị Thuý H và ông Trương Văn Tr với người nhận chuyển nhượng là ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 43, diện tích 143m<sup>2</sup> tại xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin rút kháng cáo đối với nội dung này nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Ông Trần C và bà Nguyễn Thị Vân A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do Ông Nguyễn Huy H1 nộp thay) theo các biên lai thu số 0021350 và số 0021351 cùng ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lưu Thị Thu Hương**